



Số: 24 /23/CV-HAGL Agrico
(V/v giải trình lỗ và biến động sau thuế
trên BCTC Quý II/2023 so với cùng kỳ)

Gia Lai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính (“BCTC”) tổng hợp và hợp nhất Quý II/2023 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty” mã CK: HNG) giải trình lỗ và biến động sau thuế trên BCTC Tổng hợp và BCTC Hợp nhất Quý II/2023 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	BCTC Quý II/2023	BCTC Quý II/2022	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế trên BCTC tổng hợp	8,2	58,2	(50,0)
Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất	(128,3)	(557,3)	429

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC tổng hợp Quý II/2023: **8,2 tỷ đồng**, so với cùng kỳ năm 2022 giảm **50 tỷ đồng**. Nguyên nhân chủ yếu do lãi suất vay tăng trung bình 3%/năm dẫn đến chi phí lãi vay tăng cao so với cùng kỳ năm 2022.

Lỗ sau thuế trên BCTC hợp nhất Quý II/2023: **128,3 tỷ đồng**. Nguyên nhân lỗ ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

- **Cây ăn trái:** doanh thu Quý II/2023 chỉ đạt **133 tỷ đồng**, sản lượng **8,986 tấn**, trong đó chuối chỉ đạt **8.754 tấn** so với kế hoạch đề ra **12.060 tấn** giảm 40% so với cùng kỳ **14.699 tấn**. Chủ yếu do tình trạng thiếu nhân công lao động cộng với thời tiết bất lợi làm tăng dịch bệnh dẫn đến năng suất buồng kém, số lượng buồng phải hủy bỏ không thu hoạch tại vườn 37%. Ngoài ra, trong kỳ Công ty vẫn đang tập trung đầu tư chăm sóc, cải tạo lại vườn cây hiện hữu dẫn đến diện tích cho thu hoạch thấp.
- **Cây cao su:** doanh thu Quý II/2023 chỉ đạt **17 tỷ đồng**, sản lượng **581 tấn** so với kế hoạch đề ra **1.722 tấn**, giảm 30% so với cùng kỳ **835 tấn**. Nguyên nhân là do tình trạng thiếu công nhân cạo mủ cao su, cùng với sản lượng khai thác đầu mùa vụ thấp. Ngoài ra, chi phí giá vốn vườn cây lớn chủ yếu là chi phí khấu hao (chiếm 60%) dẫn đến doanh thu không bù đắp đủ chi phí.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Địa chỉ: Số 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2222 285 Fax: (+84) 0269 2222 218 Email: hoanganhagrigo@hagl.com.vn

- Đồng thời, lỗ Quý II/2023 giảm mạnh so với Quý II/2022 do Công ty đã chuyển đổi đồng tiền hạch toán từ đồng LAK sang đồng USD, do vậy không còn ghi nhận khoản lỗ từ chênh lệch tỷ giá, trong khi cùng kỳ năm ngoái Công ty ghi nhận khoản lỗ **329 tỷ đồng** từ chênh lệch tỷ giá do đồng LAK tại Lào so với USD và VND mất giá lần lượt 28% và 33%.

Trên đây là giải trình lỗ và biến động kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2023 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Phi



HAGL Agrico

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý II năm 2023



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 32

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.805.122.805	8.971.078.892
110	I. Tiền		909.714	819.991
111	1. Tiền	4	909.714	819.991
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.605.265.023	8.877.588.071
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.539.700.928	1.496.160.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.525.960.495	1.625.464.375
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.022.374.680	3.753.096.261
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.595.911.789	2.255.107.462
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(78.682.869)	(252.240.627)
140	III. Hàng tồn kho		104.187.582	4.903.261
141	1. Hàng tồn kho	9	116.670.136	17.580.995
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.482.554)	(12.677.734)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		94.760.486	87.767.569
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	16	94.474.098	87.481.181
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	286.388	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.052.795.581	9.862.263.929
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.198.862.117	5.007.032.058
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	1.505.189.718	3.400.037.284
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.693.672.399	1.606.994.774
220	II. Tài sản cố định		4.679.091	5.422.203
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.066.174	1.435.536
222	Nguyên giá		8.977.967	9.541.177
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.911.793)	(8.105.641)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.612.917	3.986.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.367.083)	(1.993.333)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	4.848.889.448	4.848.889.448
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.562.884.812	4.662.884.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(102.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		364.925	920.220
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	364.925	920.220
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.857.918.386	18.833.342.821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.735.702.340	6.706.515.829
310	I. Nợ ngắn hạn		6.564.095.365	4.823.663.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	229.867.316	80.269.857
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	251.169.295	1.842.167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	145.024	172.855
314	4. Phải trả người lao động		1.029.600	1.094.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	484.318.314	237.349.753
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	272.401.490	82.649.067
320	7. Vay ngắn hạn	19	5.325.164.326	4.420.285.837
330	II. Nợ dài hạn		1.171.606.975	1.882.851.893
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	50.345.837	107.440.727
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	65.968.496	133.588.694
338	3. Vay dài hạn	19	1.055.292.642	1.641.822.472
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.122.216.046	12.126.826.992
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	12.122.216.046	12.126.826.992
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối		(133.449.904)	(128.838.958)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(128.838.958)	(351.760.883)
421b	- Lỗ/lãi sau thuế chưa phân phối kỳ này		(4.610.946)	222.921.925
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.857.918.386	18.833.342.821

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2023

Ngân VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	106.742.679	232.764.486	209.483.671	352.645.678
11	2. Giá vốn hàng bán	22	(104.784.568)	(231.514.854)	(204.769.200)	(349.659.784)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.958.111	1.249.632	4.714.471	2.985.894
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	143.464.498	131.009.933	267.116.683	239.850.715
22	5. Chi phí tài chính	23	(133.973.957)	(62.612.021)	(269.564.376)	(119.851.453)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(132.326.244)	(61.783.801)	(252.081.581)	(116.717.183)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(729.615)	(1.417.130)	(2.312.680)	(3.043.898)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(2.520.919)	(5.943.539)	(4.284.399)	(8.515.508)
30	8. Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		8.198.118	62.286.875	(4.330.301)	111.425.750
31	9. Thu nhập khác	25	168.963	7.936	168.963	58.319
32	10. Chi phí khác	25	(212.198)	(4.085.387)	(449.608)	(4.151.471)
40	11. Lỗ khác	25	(43.235)	(4.077.451)	(280.645)	(4.093.152)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế		8.154.883	58.209.424	(4.610.946)	107.332.598
60	13. Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế TNDN		8.154.883	58.209.424	(4.610.946)	107.332.598

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ)/ lãi trước thuế		(4.610.946)	107.332.598
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11	743.112	754.933
03	(Hoàn nhập dự phòng)/ các khoản dự phòng		(173.752.938)	2.705.836
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.126.235)	(44.976.150)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(249.841.032)	(194.469.048)
06	Chi phí lãi vay	23	252.081.581	116.717.183
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(176.506.458)	(11.934.648)
09	Tăng các khoản phải thu		(129.559.385)	(296.202.979)
10	Tăng hàng tồn kho		(99.089.141)	(1.277.779)
11	Tăng các khoản phải trả		519.611.234	180.136.580
12	Giảm chi phí trả trước		555.295	678.925
14	Tiền lãi vay đã trả		(60.064.543)	(55.864.938)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		54.947.002	(184.464.839)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(374.730.464)	(86.082.928)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.907	252.643
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(374.711.557)	(85.830.285)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		917.440.000	851.450.083
34	Tiền trả nợ gốc vay		(597.585.759)	(586.383.349)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		319.854.241	265.066.734
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		89.686	(5.228.390)
60	Tiền đầu kỳ	4	819.991	7.334.259
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37	596
70	Tiền cuối kỳ	4	909.714	2.106.465



Trương Thị Trúc Thiên Trang
 Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2023

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính theo giấy phép của Công ty là trồng và kinh doanh cây ăn trái, cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và một (1) chi nhánh. Chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“Hoàng Anh Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“Hoàng Anh Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“Hoàng Anh Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai đã hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động của Công ty vào ngày 6 tháng 2 năm 2023, theo Thông báo giải thể của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai số 589/23.

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Tên chi nhánh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Quý II năm 2023 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ ("CCDC") và hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như TSCĐ vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền gửi ngân hàng	871.071	772.389
Tiền mặt tại quỹ	38.643	47.602
TỔNG CỘNG	909.714	819.991

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.472.475.559	1.401.326.940
Khách hàng khác	67.225.369	94.833.660
	1.539.700.928	1.496.160.600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Trả trước ngắn hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.513.955.886	1.604.123.267
Nhà cung cấp khác	12.004.609	21.341.108
	1.525.960.495	1.625.464.375

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	5.629.023.241	3.633.730.761
Cho vay ngắn hạn Chính phủ Lào (*)	393.351.439	119.365.500
	6.022.374.680	3.753.096.261
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.505.189.718	3.400.037.284
TỔNG CỘNG	7.527.564.398	7.153.133.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(*) Là khoản cho vay không tính lãi theo Hợp đồng sửa đổi tín dụng cho vay Dự án xây dựng sân bay Nong Khang tại tỉnh Huaphan và Dự án xây dựng sân bay Attapeu tại tỉnh Attapeu, Lào; được ký kết giữa Chính phủ Lào, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và Công ty vào ngày 9 tháng 12 năm 2019 nhằm hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Nong Khang và sân bay Attapeu tại Lào (trước đây là hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và Chính phủ Lào). Việc hoàn trả nợ của Chính phủ nước CHDCND Lào, thực hiện thông qua các phương thức : (i) cản trừ khoản doanh thu Chính phủ Lào sẽ nhận được từ các dự án mà Nhóm Công ty là người phát triển tại nước Lào; (ii) cản trừ tiền thuê đất, thuế tài nguyên và các loại thuế khác mà Chính phủ Lào sẽ nhận được từ việc hoạt động kinh doanh của các dự án của Nhóm Công ty thực hiện tại Lào; (iii) Trả bằng tiền.

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	2.568.895.928	2.233.201.271
Các khoản khác	27.015.861	21.906.191
	<u>2.595.911.789</u>	<u>2.255.107.462</u>
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.693.672.399	1.606.994.774
	<u>1.693.672.399</u>	<u>1.606.994.774</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.289.584.188</u>	<u>3.862.102.236</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	116.670.136	17.580.995
TỔNG CỘNG	<u>116.670.136</u>	<u>17.580.995</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.482.554)	(12.677.734)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>104.187.582</u>	<u>4.903.261</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	873.865	5.701.139	2.966.173	9.541.177
Thanh lý trong kỳ	(563.210)	-	-	(563.210)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(873.865)	(5.205.795)	(2.025.981)	(8.105.641)
Khấu hao trong kỳ	-	(104.962)	(264.400)	(369.362)
Thanh lý trong kỳ	563.210	-	-	563.210
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	(310.655)	(5.310.757)	(2.290.381)	(7.911.793)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	495.344	940.192	1.435.536
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	390.382	675.792	1.066.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngân VND</i>
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.980.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>5.980.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.993.333)
Hao mòn trong kỳ	<u>(373.750)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>(2.367.083)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>3.986.667</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>3.612.917</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngân VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	4.562.884.812	-	4.662.884.812	(100.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.851.484.058</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>4.951.484.058</u>	<u>(102.594.610)</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	100,00	2.101.029.560
HAQM Lào	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	100,00	1.081.159.132
Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	100,00	943.987.719
Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	436.708.401	100,00	436.708.401
Xuất Nhập khẩu HAGL	Thương mại	-	-	100,00	100.000.000 (100.000.000)
TỔNG CỘNG			4.562.884.812		4.662.884.812 (100.000.000)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cảnh Đông Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610 (2.594.610)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công cụ và dụng cụ	300.286	445.418
Chi phí trả trước dài hạn khác	64.639	474.802
TỔNG CỘNG	364.925	920.220

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	213.240.891	64.388.705
Phải trả khác	16.626.425	15.881.152
TỔNG CỘNG	229.867.316	80.269.857

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nhận ứng trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	250.497.260	1.749.775
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	672.035	92.392
TỔNG CỘNG	251.169.295	1.842.167

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	94.474.098	87.481.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26)	285.831	285.831
Thuế nhập khẩu nộp thừa	557	557
TỔNG CỘNG	94.760.486	87.767.569
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	145.024	172.855
TỔNG CỘNG	145.024	172.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	457.570.357	208.473.554
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	338.224.465	98.571.561
Các khoản khác	26.747.957	28.876.199
	484.318.314	237.349.753
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	50.345.837	107.440.727
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	-	57.094.890
	50.345.837	107.440.727
TỔNG CỘNG	534.664.151	344.790.480

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	253.938.082	65.584.210
Phải trả khác bên thứ ba	18.463.408	17.064.857
	272.401.490	82.649.067
Dài hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	29.428.557	97.048.755
Phải trả khác bên thứ ba	36.539.939	36.539.939
	65.968.496	133.588.694
TỔNG CỘNG	338.369.986	216.237.761

19. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	3.898.096.470	2.718.052.500
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	554.815.753	790.250.181
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	599.511.585	599.542.639
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	272.740.518	312.440.517
	5.325.164.326	4.420.285.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

19. VAY (tiếp theo)		
Vay dài hạn		
Vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	884.698.037	1.471.227.867
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	170.594.605	170.594.605
	1.055.292.642	1.641.822.472
TỔNG CỘNG	6.380.456.968	6.062.108.309
19.1 Vay dài hạn bên liên quan		
		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	3.398.096.470	2.804.396.470
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	1.384.698.037	1.384.883.897
TỔNG CỘNG	4.782.794.507	4.189.280.367
Trong đó:		
Vay dài hạn bên liên quan	884.698.037	1.471.227.867
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả trong vòng một năm	3.898.096.470	2.718.052.500
19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng		
		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	599.511.585	599.542.639
TỔNG CỘNG	599.511.585	599.542.639
19.3 Vay ngắn hạn các bên liên quan		
		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	272.740.518	312.440.517
TỔNG CỘNG	272.740.518	312.440.517
19.4 Vay dài hạn ngân hàng		
		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	502.325.753	737.760.181
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	223.084.605	223.084.605
TỔNG CỘNG	725.410.358	960.844.786
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng	170.594.605	170.594.605
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm	554.815.753	790.250.181

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VND
20. VỐN CHỦ SỞ HỮU				
20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu				
Năm 2022				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(351.208.883)	11.904.457.067
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(480.000)	(480.000)
Lãi thuần trong kỳ	-	-	107.332.598	107.332.598
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(244.356.285)	12.011.309.665
Năm 2023				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(4.610.946)	(4.610.946)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(133.449.904)	12.122.216.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Doanh thu thuần	106.742.679	232.764.486	209.483.671	352.645.678
Trong đó:				
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	96.583.915	211.459.919	169.458.207	289.170.199
Doanh thu bán mũ cao su	10.158.764	21.110.200	40.025.464	62.688.200
Doanh thu bán trái cây	-	187.098	-	749.829
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	-	7.269	-	37.450

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Lãi tiền cho vay	127.602.824	88.439.872	249.822.125	194.455.413
Chênh lệch tỷ giá	15.850.078	42.559.120	17.275.651	45.381.667
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.596	10.941	18.907	13.635
TỔNG CỘNG	143.464.498	131.009.933	267.116.683	239.850.715

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý II		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
Giá vốn vật tư nông nghiệp	95.259.264	210.904.999	167.704.752	288.323.143
Giá vốn mù cao su	9.525.304	20.173.400	37.064.448	59.820.744
Giá vốn trái cây	-	429.186	-	1.480.037
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	-	7.269	-	35.860
TỔNG CỘNG	104.784.568	231.514.854	204.769.200	349.659.784

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
Chi phí lãi vay	132.326.244	61.783.801	252.081.581	116.717.183
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	820.224	432.355	16.350.925	2.498.980
Chi phí khác	827.489	395.865	1.131.870	635.290
TỔNG CỘNG	133.973.957	62.612.021	269.564.376	119.851.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Chi phí bán hàng	729.615	1.417.130	2.312.680	3.043.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	459.246	871.925	1.604.622	1.814.553
Chi phí nhân viên	268.601	368.277	563.592	820.606
Khác	1.768	176.928	144.466	408.739
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.520.919	5.943.539	4.284.399	8.515.508
Chi phí nhân viên	975.557	1.122.289	2.072.045	2.449.795
Dự phòng phải thu khó đòi	130.639	3.035.792	130.639	3.035.792
Chi phí khấu hao và hao mòn	433.340	448.665	870.508	715.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	808.207	1.327.086	966.315	1.982.403
Khác	173.176	9.707	244.892	331.938
TỔNG CỘNG	3.250.534	7.360.669	6.597.079	11.559.406

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý II		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Thu nhập khác	168.963	7.936	168.963	58.319
Thu từ thanh lý tài sản	168.963	-	168.963	-
Các khoản khác	-	7.936	-	58.319
Chi phí khác	212.198	4.085.387	449.608	4.151.471
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	212.175	-	424.349	-
Các khoản phạt	23	111	25.259	8.108
Các khoản khác	-	4.085.276	-	4.143.363
LỖ KHÁC	(43.235)	(4.077.451)	(280.645)	(4.093.152)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngân VND	
	Quý II năm 2023	Quý II năm 2022
(Lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.610.946)	107.332.598
Các khoản chi phí không được khấu trừ	864.883	3.523.416
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.169.765	(67.465.007)
(Lỗ)/ lợi nhuận chịu thuế ước tính	(2.576.298)	43.391.007
Lỗi chuyển sang từ các kỳ trước	-	(43.391.007)
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ <i>(Thuyết minh số 16)</i>	(285.831)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay tiền	511.400.000
		Trả gốc vay	2.000.000
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	185.800.520
		Bán hàng hóa	10.158.764
		Lãi đi vay	99.248.134
		Cho vay	78.862.384
HAQM Lào	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ("BHH và CCDV")	96.393.645
		Mua hàng hóa	6.008.723
		Lãi cho vay	89.425.057
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	16.627.187
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	12.210.373
Công Ty TNHH Phân Phối THACO AUTO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	3.420.000
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Chuyên Dụng THACO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	1.041.110
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	561.372
Công Ty TNHH Thiso Retail	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	528.886
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Cổ đông lớn	Giảm gốc đi vay (Cần trừ công nợ)	185.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	BHH và CCDV	1.378.305.522
HAQM Lào	Công ty con	BHH và CCDV	44.890.227
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	BHH và CCDV	35.566.431
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	13.604.114
Các công ty khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	109.265
TỔNG CỘNG			<u>1.472.475.559</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	814.278.374
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	699.673.242
Công Ty TNHH Thiso Retail	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	4.270
TỔNG CỘNG			<u>1.513.955.886</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.612.250.853
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	805.908.354
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	619.432.694
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	591.431.340
TỔNG CỘNG			<u>5.629.023.241</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.242.735.113
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	262.454.605
TỔNG CỘNG			<u>1.505.189.718</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cán trừ công nợ	1.517.292.750
		Lãi cho vay	390.631.306
		Chi hộ	165.441.972
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cán trừ công nợ	202.462.703
		Lãi cho vay	17.569.274
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ	71.725.934
		Chi hộ	1.022
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	98.111.392
		Cán trừ công nợ	5.893.845
CRD	Công ty con	Cán trừ công nợ	73.621.172
Công ty Cổ phần Cao su BIDIPHAR	Công ty liên kết	Cổ tức	26.144.558
TỔNG CỘNG			<u>2.568.895.928</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2023

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.570.972.151
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	72.224.475
		Cấn trừ công nợ	30.311.465
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	20.164.308
TỔNG CỘNG			<u>1.693.672.399</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	186.162.798
Công ty TNHH Phân phối THACO AUTO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	21.607.400
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	2.478.252
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.992.441
TỔNG CỘNG			<u>213.240.891</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	<u>250.497.260</u>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay ngắn hạn	<u>338.224.465</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu hộ, phải trả khác	8.333.812
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cấn trừ công nợ	245.604.270
TỔNG CỘNG			<u>253.938.082</u>
<i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>			
Heng Brothers	Công ty con	Cấn trừ công nợ	<u>29.428.557</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2023

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

